

Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 153/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Đ**, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Quàng Văn T**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản K, xã M, tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị Đ và anh Quàng Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị Đ và anh Quàng Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Lò Thị Đ và anh Quàng Văn T có 02 con chung là cháu Quàng Văn H, sinh ngày 20/8/2019 và Lò Văn Bảo A, sinh ngày 21/3/2021. Chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi các con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về và nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng án phí DSST nhưng chị Đại tự N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000165 ngày 20/3/2026, chị Đ đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- **UBND xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Châm